

Vị trí địa lý và thể chế trong phát triển kinh tế vùng Tây Nam Bộ

Phạm Sỹ An¹, Trần Thị Mai Thành²

^{1,2} Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: phamsian@gmail.com

Nhận ngày 28 tháng 10 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 11 năm 2019.

Tóm tắt: Vị trí địa lý và thể chế kinh tế là hai yếu tố quan trọng định hình sự phát triển của các nền kinh tế. Bài viết sẽ đưa ra những phân tích, đánh giá vai trò của vị trí địa lý và thể chế kinh tế đến sự phát triển kinh tế của các tỉnh, thành phố vùng Tây Nam Bộ. Các địa phương gần với vùng Đông Nam Bộ - nơi có nền kinh tế phát triển - sẽ có trình độ phát triển cao hơn (thu nhập trên đầu người vùng Đông Nam Bộ) và cơ cấu kinh tế nghiêng về có tỷ trọng công nghiệp lớn hơn so với các địa phương xa dân và cơ cấu kinh tế tốt hơn. Do đó, bài viết cho thấy vị trí địa lý và thể chế kinh tế đóng vai trò tích cực trong thúc đẩy phát triển kinh tế vùng Tây Nam Bộ. Để nâng cao mức sống người dân và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo chiều hướng tích cực, các địa phương trong vùng cần cải thiện thể chế kinh tế và phát triển cơ sở hạ tầng.

Từ khóa: Phát triển kinh tế, vị trí địa lý, thể chế kinh tế.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: Geographic location and the economic institutional framework are the two important factors that shape the development of economies. The article provides analysis and assessment of their roles in the economic development of provinces and cities in Vietnam's southwestern region. Localities close to the southeastern region, where the economy is developed, have higher levels of development (per capita income in the region) and higher proportions of industry in the economic structure compared to farther localities, and better economic structures. Therefore, the article shows that geographic location and the economic institutional framework play an active role in promoting economic development in the southwestern region. In order to improve the people's living standards and change the economic structure in a positive way, localities in the region need to improve their economic institutional frameworks and develop their infrastructure.

Keywords: Economic development, geographical location, economic institutional framework.

Subject classification: Economics

1. Giới thiệu

Việt Nam có khoảng 95 triệu dân (năm 2018), diện tích 331.235,7 km² chia làm 6 vùng, gồm Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có 13 tỉnh, thành phố là Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và thành phố là Cần Thơ. Tây Nam Bộ chiếm 19% tổng dân số cả nước, 12% diện tích quốc gia, có thế mạnh trong phát triển nông nghiệp của Việt Nam.

Vị trí địa lý Tây Nam Bộ có một số đặc điểm ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển của vùng. Vùng đất bằng phẳng, thấp, chi cao hơn mực nước biển nên khi nước biển dâng, vùng Tây Nam Bộ bị ảnh hưởng rất nặng nề. Việt Nam là một trong năm quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi biến đổi khí hậu, Tây Nam Bộ của Việt Nam được coi là một trong ba vùng đồng bằng của thế giới chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất. Nên Tây Nam Bộ vừa có thế mạnh là phát triển nông nghiệp (lúa, thủy sản, trái cây) do vị trí địa lý đem lại nhưng vừa chịu rủi ro do biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tây Nam Bộ cạnh Đông Nam Bộ là vùng phát triển nhất Việt Nam vì thế Tây Nam Bộ vừa được hưởng lợi vừa bị chịu thiệt ở vị trí này.

Sự phát triển và thịnh vượng của một quốc gia, vùng, địa phương được quyết định bởi 3 nhân tố sản xuất chính là vốn, lao động và công nghệ/năng suất. Nhưng

vốn, lao động và “công nghệ” chỉ được coi là nguyên nhân “thứ cấp” của tăng trưởng và phát triển kinh tế; đằng sau các nhân tố này là các nguyên nhân “nền tảng” khác như thể chế kinh tế hay vị trí địa lý.

Thể chế kinh tế - những ràng buộc được tạo ra bởi con người [4] - có tác động mạnh mẽ đến thịnh vượng của các quốc gia [1]. Acemoglu và Robinson (2012) cho rằng thể chế là yếu tố quan trọng nhất tạo nên thịnh vượng của quốc gia chứ không phải là các yếu tố khác - như vị trí địa lý [2].

Ngược lại, có nhiều nghiên cứu với các bằng chứng kinh tế lượng lại cho thấy vị trí địa lý đóng vai trò quyết định đến phát triển kinh tế và thịnh vượng của quốc gia [7].

Bài viết này xem xét ảnh hưởng của vị trí địa lý và thể chế kinh tế đến thu nhập người dân của các địa phương vùng Tây Nam Bộ và đi đến kết luận cả vị trí địa lý và thể chế kinh tế đều có tác động tích cực đến phát triển kinh tế. Có một ưu điểm và một nhược điểm của bài viết này.

Thứ nhất, về ưu điểm, việc lựa chọn các địa phương vùng Tây Nam Bộ vào phân tích ảnh hưởng của thể chế kinh tế và vị trí địa lý đến phát triển kinh tế sẽ loại bỏ những yếu tố phức tạp khác như sự khác biệt trong chính sách thương mại, chính sách phát triển công nghiệp, thể chế chính trị trong phân tích ảnh hưởng của thể chế kinh tế và vị trí địa lý đến phát triển kinh tế.

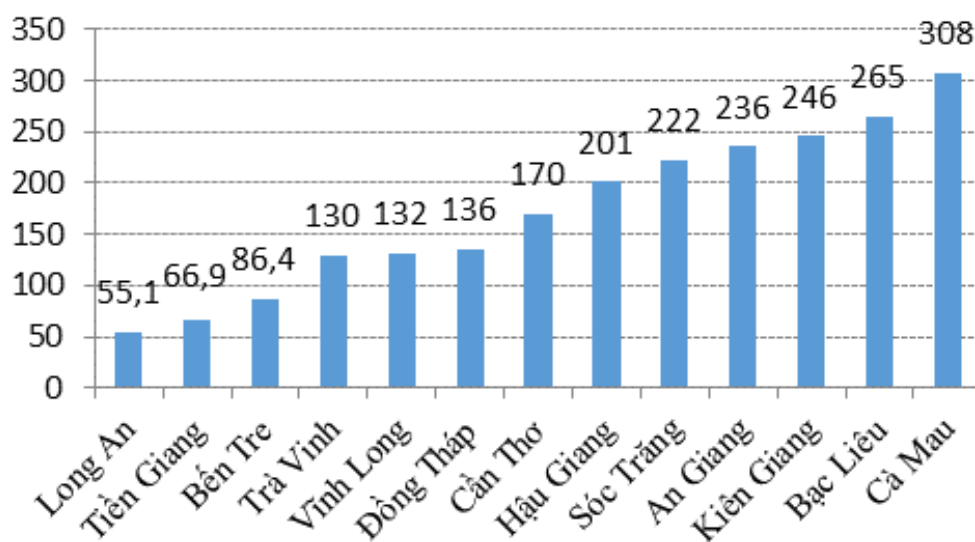
Thứ hai, về nhược điểm, do hạn chế về số liệu, nghiên cứu này không xây dựng mô hình kinh tế lượng và có những phân tích định lượng nghiêm ngặt. Bài viết này sẽ chỉ phân tích hệ số tương quan, trực quan từ các đồ thị quan hệ giữa các biến số và dựa

vào những lý thuyết, bằng chứng thực nghiệm từ các nghiên cứu để củng cố kết luận của nghiên cứu.

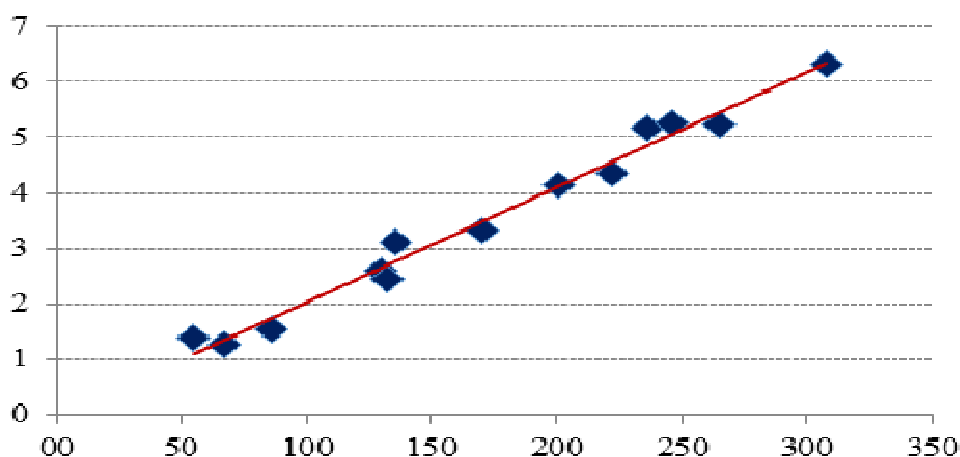
2. Vị trí địa lý trong phát triển kinh tế của Tây Nam Bộ

Vị trí địa lý trong phát triển kinh tế địa phương của Đồng bằng sông Cửu Long sẽ được đo bằng khoảng cách từ các tỉnh, thành Tây Nam Bộ đến Thành phố Hồ Chí Minh (Tp. HCM) được thể hiện trong đồ thị 1(a). Khoảng cách này phản ánh chính xác vị trí địa lý của các tỉnh, thành phố trong tương quan với Tp. HCM. Chẳng hạn, Long An sát Tp. HCM có khoảng cách ngắn nhất, tiếp đến là Tiền Giang và Bến Tre. Hai địa phương có khoảng cách xa nhất là Bạc Liêu và Cà Mau.

Sẽ có ý kiến cho rằng, khoảng cách giữa các tỉnh, thành Tây Nam Bộ và Tp. HCM sẽ không phản ánh chính xác chi phí vận chuyển vì khoảng cách giữa địa phương A đến Tp. HCM có thể xa hơn khoảng cách giữa địa phương B đến Tp. HCM nhưng chất lượng đường sẽ tốt hơn nên thời gian có thể sẽ ngắn hơn. Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi lấy cả thời gian di chuyển từ các địa phương Tây Nam Bộ đến Tp. HCM để đo lường “khoảng cách”. Tuy nhiên, cả khoảng cách tính bằng km và thời gian có hệ số tương quan xấp xỉ bằng 1. Hay nói cách khác, khoảng cách tính bằng km phản ánh tương đối chính xác khoảng cách di chuyển tính bằng thời gian. Chất lượng đường nói chung không có sự chênh lệch quá lớn. Mạng lưới đường quốc lộ của Tây Nam Bộ nói chung thường rất nhỏ bé.



(a) Khoảng cách (km)



(b) Khoảng cách và thời gian

Đồ thị 1. Khoảng cách từ các tỉnh, thành Tây Nam Bộ đến Thành phố Hồ Chí Minh [9]

Tại sao các địa phương gần với Đông Nam Bộ lại quan trọng? Vị trí địa lý đem lại sự dồi dào về khoáng sản, đất đai màu mỡ hay gần biển sẽ tạo ra lợi thế phát triển cho địa phương, nhưng gần Đông Nam Bộ cũng đem lại lợi thế rất lớn, là nhân tố quan trọng để thu hút các nguồn lực cho phát triển.

Thứ nhất, Đông Nam Bộ có những cảng biển để từ đó có thể xuất khẩu sang các nước khác. Vì thế, gần Đông Nam Bộ cũng có nghĩa gần với những điểm đầu nối ra bên ngoài, chi phí giao thông thấp hơn. Do đó, doanh nghiệp cũng muốn đặt trụ sở, cơ sở sản xuất tại các địa phương gần Đông Nam Bộ.

Thứ hai, các khu công nghiệp của Đông Nam Bộ (Tp. HCM, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu) sau một thời gian dài thu hút các doanh nghiệp đã dần được lấp đầy, chi phí thuê mặt bằng trở nên đắt đỏ hơn; vì thế, các nhà đầu tư muốn tìm

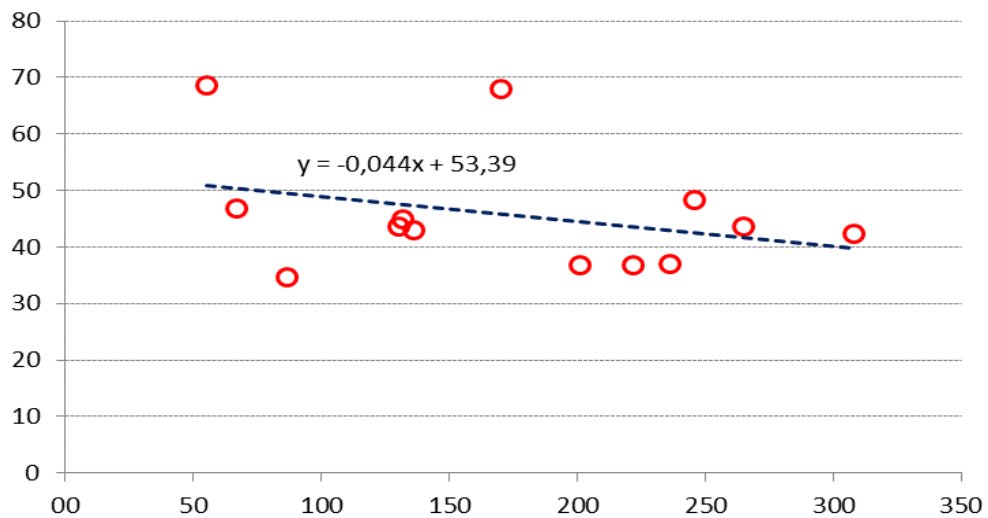
một địa điểm gần với Đông Nam Bộ với chi phí thuê đất, mặt bằng sản xuất kinh doanh rẻ hơn nhưng cũng phải đảm bảo gần với các điểm kết nối là các cảng biển, sân bay của Đông Nam Bộ.

Trên thực tế, đã có làn sóng doanh nghiệp từ Đông Nam Bộ tràn về các địa phương của Tây Nam Bộ, vì sát với Tp. HCM, Long An sẽ là địa phương được lựa chọn đầu tiên, tiếp đến là Tiền Giang và Bến Tre. Sau đó, các địa phương có khoảng cách kế tiếp có khả năng được lựa chọn cao hơn những địa phương có khoảng cách xa hơn. Tuy nhiên, khoảng cách càng gần thì ảnh hưởng của vị trí địa lý càng mạnh, nhưng khoảng cách càng xa thì quyết định doanh nghiệp sẽ chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác thay vì khoảng cách. Chẳng hạn, một doanh nghiệp muốn gần cảng biển của Đông Nam Bộ thì họ sẽ quyết định lựa chọn Long An hay Tiền Giang thay vì Cà Mau hay Bạc Liêu. Nhưng một doanh

ngành phải quyết định giữa Cà Mau hay Bạc Liêu hay Kiên Giang thì họ sẽ không đưa biến số “khoảng cách với Đông Nam Bộ” vào trong quyết định mà quyết định sẽ chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác.

Vậy, có mối tương quan nào giữa thu nhập (GDP/người) và khoảng cách từ Tp. HCM đến các tỉnh, thành Tây Nam Bộ. Hệ

số tương quan giữa khoảng cách và tổng sản phẩm/người là $-0,33$, có nghĩa là khoảng cách càng xa thì thu nhập người dân càng giảm. Vị trí địa lý gần với Đông Nam Bộ đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế tại địa phương vì những lợi ích mà Đông Nam Bộ đem lại như những lập luận trên [Đồ thị 2].



Đồ thị 2. GDP/người và khoảng cách [8]

Với 2 lợi ích gần Đông Nam Bộ đem lại cho Tây Nam Bộ (gần cảng biển và làn sóng doanh nghiệp chuyển về một số địa phương gần Đông Nam Bộ), cơ cấu kinh tế ở các địa phương gần Đông Nam Bộ hơn cũng khác với các địa phương ở xa Đông Nam Bộ. Đồ thị 3 cho thấy các địa phương gần Đông Nam Bộ hơn thì tỷ trọng công nghiệp cũng có xu hướng cao hơn, hay nói cách khác các địa phương càng xa Đông Nam Bộ thì tỷ trọng công nghiệp càng thấp và các địa phương càng xa Đông Nam Bộ

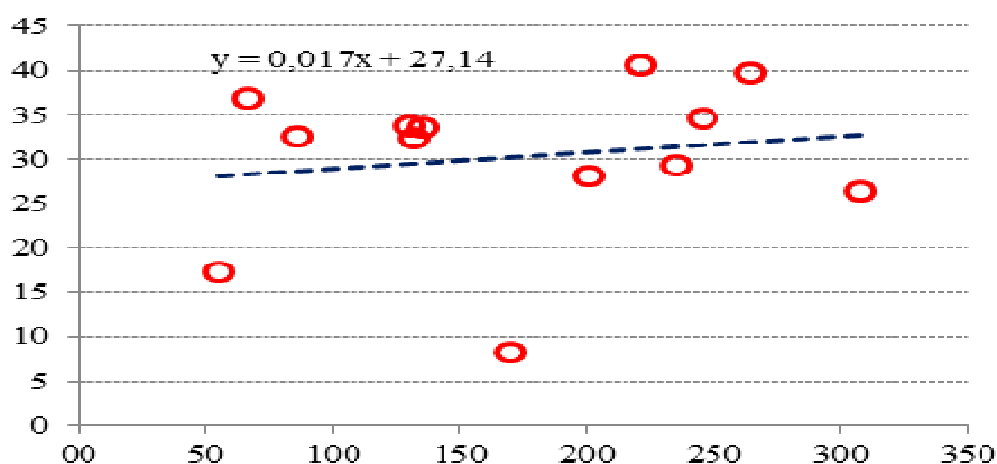
thì tỷ trọng nông nghiệp càng lớn. Các địa phương gần Đông Nam Bộ sẽ thu hút các doanh nghiệp (trong lĩnh vực công nghiệp), thúc đẩy phát triển công nghiệp nên một mặt làm cho sản lượng trong ngành công nghiệp tăng mạnh hơn (so với sản lượng trong ngành nông nghiệp). Nhưng mặt khác, phát triển công nghiệp sẽ lấy đất nông nghiệp để làm khu công nghiệp, xây dựng các cơ sở hạ tầng, đô thị nên bản thân cơ sở cho sản xuất nông nghiệp cũng giảm. Như vậy, gần Đông Nam Bộ hơn sẽ làm cho cấu

trúc kinh tế nghiêng về công nghiệp và ngược lại xa Đông Nam Bộ sẽ làm cho cấu trúc kinh tế nghiêng về nông nghiệp. Cũng xin lưu ý: không phải địa phương nào gần Đông Nam Bộ hơn cũng có tỷ trọng công nghiệp cao hơn những địa phương xa Đông Nam Bộ hơn bởi vì có nhiều yếu tố định hình cơ cấu của nền kinh tế các địa phương. Nhưng ở đây, yếu tố khoảng cách đóng vai trò quan trọng trong chừng mực nhất định trong việc định hình cấu trúc kinh tế. Vì thế, khoảng cách càng gần Đông Nam Bộ thì địa phương đó có xu hướng có tỷ trọng công nghiệp cao hơn và địa phương nào càng xa Đông Nam Bộ thì tỷ trọng nông nghiệp của địa phương đó có xu hướng thấp hơn.

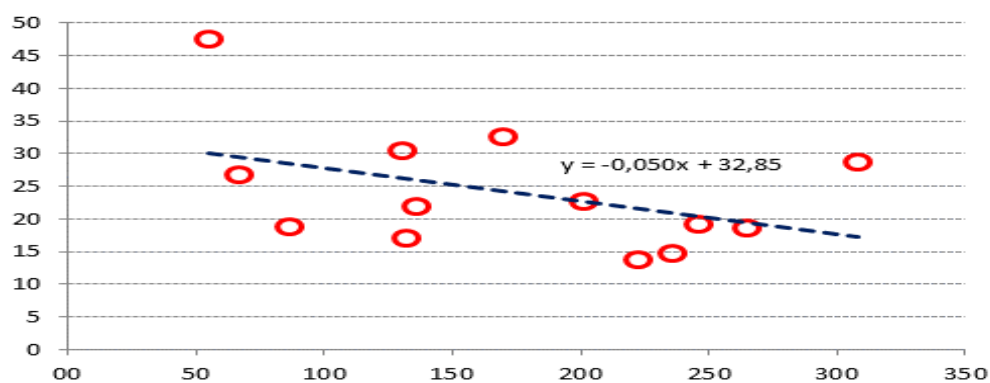
Phát triển công nghiệp sẽ tạo nhiều công ăn việc làm với mức thu nhập cao hơn so với trong lĩnh vực nông nghiệp. Vì vậy, có

thể lường tượng, những địa phương có tỷ trọng công nghiệp lớn hơn sẽ có GDP/người cao hơn. Ngược lại, những địa phương có tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế địa phương lớn hơn sẽ có GDP/người thấp hơn. Đồ thị 4 thể hiện mối tương quan giữa hai đại lượng này tương đối rõ nét. Các tỉnh, thành có tỷ trọng công nghiệp cao có mối quan hệ dương với GDP/người và các tỉnh, thành có tỷ trọng nông nghiệp cao có mối quan hệ âm (tỷ lệ nghịch) với GDP/người.

Các phân tích trên cho thấy, các địa phương gần Đông Nam Bộ sẽ có nhiều lợi thế để thu hút doanh nghiệp và phát triển công nghiệp, từ đó làm gia tăng sản lượng và thu nhập người dân tại địa phương. Vị trí địa lý gần Đông Nam Bộ với thế mạnh về cơ sở hạ tầng là một lợi thế cho các địa phương có khoảng cách gần gũi.

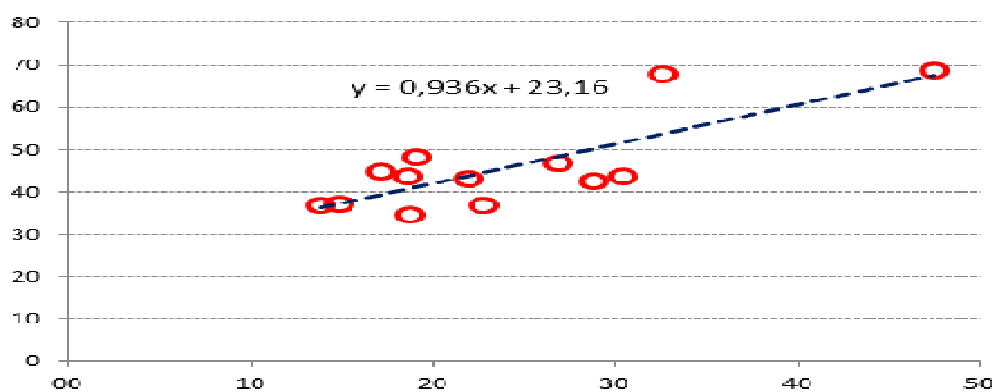


(a) Tỷ trọng nông nghiệp và khoảng cách

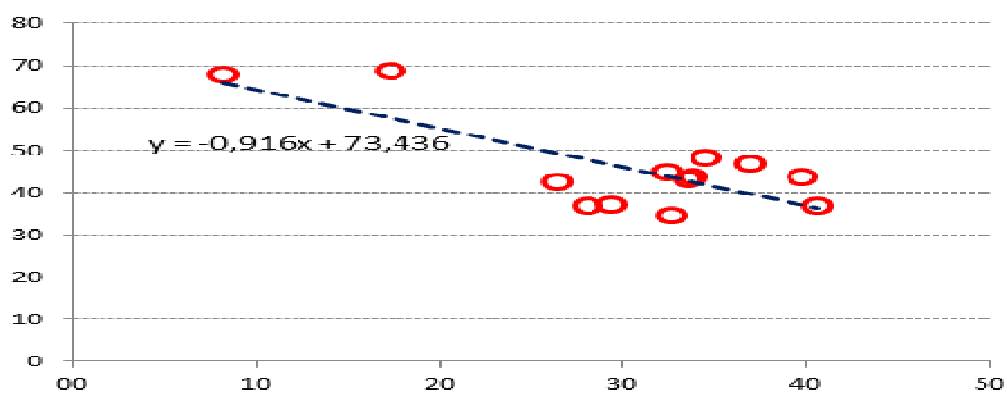


(b) Tỷ trọng công nghiệp và khoảng cách

Đồ thị 3. Tỷ trọng nông nghiệp và công nghiệp với khoảng cách [8], [9]



(a) Tỷ trọng công nghiệp và GDP/người



(b) Tỷ trọng nông nghiệp và GDP/người

Đồ thị 4. Tỷ trọng công nghiệp, nông nghiệp và GDP/người [8]

3. Thể chế kinh tế trong phát triển kinh tế Tây Nam Bộ

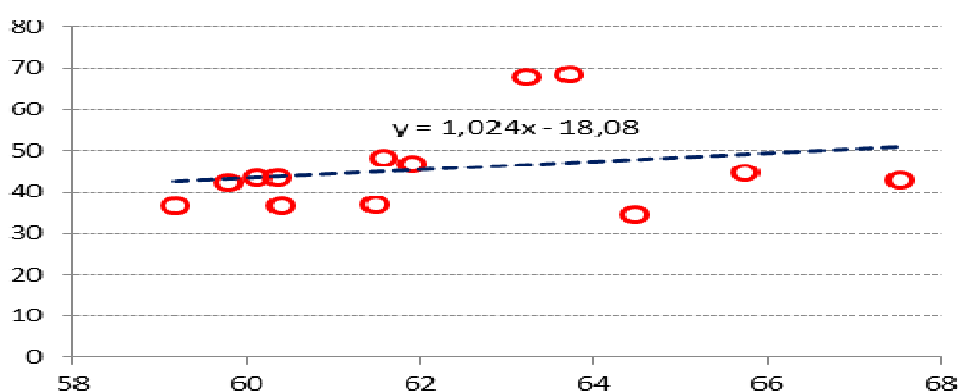
Nhân tố thứ hai là vai trò của năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đối với sự thịnh vượng của địa phương. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) là một chỉ số tổng hợp, bao gồm nhiều thành phần như gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai, tính minh bạch, chi phí thời gian, cạnh tranh bình đẳng, tính năng động, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, đào tạo lao động và thiết chế pháp lý và an ninh trật tự. Chỉ số PCI được 2 tổ chức là Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển Quốc tế của Hoa Kỳ (USAID) phối hợp xây dựng. Chỉ số PCI nhận được sự quan tâm rất lớn từ phía các chính quyền địa phương, nhiều địa phương đã thành lập các nhóm để cải thiện môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh cấp tỉnh theo kết quả của PCI. Chỉ số này phản ánh chất lượng thể chế của địa phương.

Theo nhiều nghiên cứu, những quốc gia có thể chế tốt thường có mức thu nhập người dân cao hơn so với những quốc gia có thể chế tồi [3], [5], [6]. Ở đây, khi xem

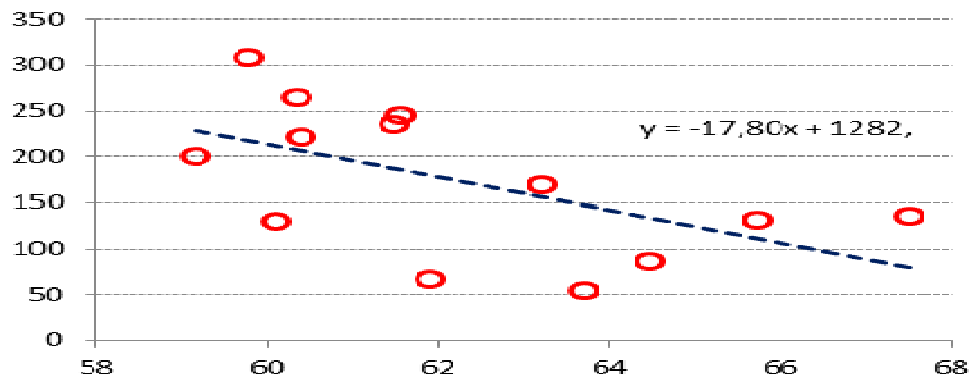
xét cho cấp độ 13 tỉnh, thành phố của Tây Nam Bộ, mối tương quan này cũng tương đối rõ ràng. Địa phương nào có chỉ số PCI cao hơn cũng thường có thu nhập người dân cao hơn (Đồ thị 5). Như vậy, từ trực quan, thể chế kinh tế tốt hơn cũng đồng thời làm cho thu nhập người dân cao hơn.

Nghiên cứu mối quan hệ giữa thể chế kinh tế và thu nhập cho các địa phương có một lợi thế so với nghiên cứu mối quan hệ này cho các quốc gia vì khi nghiên cứu các quốc gia có nhiều yếu tố đan xen dễ làm mờ nhạt hoặc gia tăng vai trò của thể chế kinh tế mà khi nghiên cứu cho các địa phương sẽ loại bỏ được điều này.

Một lưu ý nữa khi nhìn vào đồ thị dưới cho thấy mối tương quan ngược giữa PCI và khoảng cách. Địa phương có khoảng cách càng xa với Đông Nam Bộ thì chỉ số PCI càng giảm. Có lẽ các địa phương càng xa với Tp. HCM thì càng ít doanh nghiệp và do đó động lực cải cách môi trường kinh doanh sẽ càng giảm. Nếu như thế, cải thiện môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh là do tác động của khoảng cách địa lý nên không hẳn được chủ động giải quyết bởi chính quyền địa phương.



(a) PCI và GDP/người



(b) PCI và khoảng cách

Đồ thị 5. Chỉ số năng lực cạnh tranh và GDP/người, khoảng cách [8], [9]

Tuy nhiên, khi bỏ 3 địa phương gần với Đông Nam Bộ nhất là Long An, Tiền Giang và Bến Tre khỏi mẫu thì hệ số tương quan tăng lên -0,61 (từ -0,56). Như vậy, yếu tố chủ quan, chủ động của lãnh đạo các địa phương trong việc cải thiện môi trường kinh doanh là rất quan trọng.

4. Kết luận

Từ các phân tích trên, chúng tôi rút ra một số kết luận quan trọng. *Thứ nhất*, vị trí địa lý - khoảng cách giữa các địa phương Tây Nam Bộ với Đông Nam Bộ đóng vai trò quan trọng đến mức sống người dân các tỉnh Tây Nam Bộ. Các địa phương càng gần với Đông Nam Bộ hơn thì càng phát triển hơn. Điều này là do lợi thế của các địa phương khi ở gần với Đông Nam Bộ. *Thứ hai*, thể chế kinh tế đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế không kém gì so với vị trí địa lý. Tuy nhiên, các địa phương cần động lực để thúc đẩy cải thiện cơ chế khuyến khích nhằm thúc đẩy nền kinh tế

phát triển, nâng cao mức sống và thịnh vượng của người dân.

Vị trí địa lý và thể chế kinh tế là các nhân tố quan trọng cho phát triển kinh tế các địa phương vùng Tây Nam Bộ. Các địa phương gần Đông Nam Bộ nói chung sẽ phát triển hơn do gần cảng, gần điểm kết nối. Các địa phương có thể chế kinh tế tốt hơn cũng tạo nên thịnh vượng nhiều hơn. Từ các nhận định này, bài viết gợi mở một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần phát triển cơ sở hạ tầng tại vùng Tây Nam Bộ để không phải phụ thuộc vào cảng biển, cảng hàng không của Đông Nam Bộ. Có thể xây dựng cảng biển nước sâu Trần Đề (Sóc Trăng), trung tâm logistics tại Cần Thơ để hoạt động sản xuất Tây Nam Bộ không phải phụ thuộc quá mức vào hệ thống cảng biển, các điểm kết nối tại Đông Nam Bộ.

Thứ hai, thông điệp lớn nhất cho các địa phương cách xa Đông Nam Bộ là: nếu không có may mắn thì phải nỗ lực cải thiện thể chế. Hay nói cách khác, nếu các địa

phương xa Đông Nam Bộ (không có may mắn) thì cần nỗ lực cải thiện thể chế kinh tế.

Thứ ba, tỷ trọng công nghiệp cao hơn làm thu nhập/người lớn hơn vì làm hoạt động công nghiệp tạo nhiều việc làm với thu nhập cao hơn. Đây là lý do các địa phương Tây Nam Bộ luôn muốn xây dựng các khu công nghiệp để thu hút doanh nghiệp vào cho dù tỷ lệ lấp đầy là rất thấp. Để phát triển công nghiệp ở các địa phương không gần Đông Nam Bộ, các địa phương cần phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm nông nghiệp. Hoặc, các địa phương có những điều kiện tự nhiên thuận tiện cho phát triển năng lượng tái tạo (năng lượng gió, mặt trời, dòng chảy, sinh khối...) thì Chính phủ cần có chính sách thúc đẩy phát triển.

Chú thích

³ Bài viết là sản phẩm của đề tài khoa học *Các giải pháp cơ bản nhằm phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh mới*, mã số KHCN-TNB, ĐT/14-19/X18, thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Acemoglu, D., Johnson, S. và Robinson, J. (2004), *Institutions as the Fundamental Cause of Long-Run Growth*, NBER Working Paper No. 10481, National Bureau of Economic Research.
- [2] Acemoglu, D. và Robinson, J. (2012), *Why Nations Fail: Origins of Power, Poverty and Prosperity*, Crown Publishers (Random House).
- [3] Dollar, D và Kraay, A. (2003), “Institutions, Trade, and Growth”, *Journal of Monetary Economics*, Vol. 50, No.1.
- [4] North, D. C. (1991), “Institutions”, *Journal of Economic Perspectives*, Vol. 5, No. 1.
- [5] Hall, R. E., và Jones, C. I. (1997), “Levels of Economic Activity Across Countries”, *The American Economic Review*, Vol. 87, No. 2.
- [6] Hall, R. E., và Jones, C. I. (1999), “Why Do Some Countries Produce So Much More Output Per Worker Than Others?”, *The Quarterly Journal of Economics*, Vol. 114, No. 1.
- [7] Sachs, J. D. (2001), *Tropical Underdevelopment*, Working Paper 8119, National Bureau of Economic Research.
- [8] <http://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=706&itemid=13412>
- [9] <http://www.google.com/maps>